

(23) R

BÁO CÁO

Tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015

Căn cứ văn bản số 3475/BTNMT-KTTVBĐKH ngày 21/8/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015.

Căn cứ văn bản số 1775/UBND-NN&TNMT ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chuẩn bị cho tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015.

Căn cứ vào kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2010-2015 của các sở ngành, sở Tài nguyên và Môi trường xin tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Thông tin về ban chỉ đạo thực hiện Chương trình của tỉnh Hà Nam

- Ban chỉ đạo và tổ chức giúp việc ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Nam được thành lập theo Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Số lượng ban chỉ đạo gồm 18 đồng chí đại diện cho các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, NN&PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Lao Động Thương binh và Xã hội, Y tế, Thông tin và Truyền thông, Xây dựng, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Giáo dục, Giao thông vận tải, Công an tỉnh, Bộ CHQS tỉnh, Hội nông dân tỉnh.

- Trưởng ban chỉ đạo: Đồng chí Nguyễn Xuân Đông - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (nay là Chủ tịch UBND tỉnh).

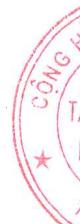
- Giúp việc ban chỉ đạo gồm 22 đồng chí chuyên viên thuộc các sở ngành trong thành phần ban chỉ đạo.

- Ban chỉ đạo có chức năng, nhiệm vụ:

+ Phân công nhiệm vụ cho các thành viên của Tổ công tác giúp việc.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, xác định các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

+ Chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu trung ương và thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.



+ Tổ chức đánh giá và nghiệm thu kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh.

2. Thông tin các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Hà Nam

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TNMT và các Bộ, ngành có liên quan UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành như sau:

- Văn bản số 947/UBND-NN&TNMT ngày 12/7/2010 về kế hoạch 5 năm (2011-2015) và năm 2011 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH và văn bản số 383/UBND-NN&TNMT ngày 12/4/2010 về việc đề xuất danh mục các dự án BĐKH và đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường triển khai ứng phó có hiệu quả với BĐKH.

- Quyết định 1296/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010 về việc phê duyệt đề cương "Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu".

- Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 về việc thành lập ban chỉ đạo và tổ chức giúp việc ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quyết định 1662/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 phê duyệt kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020.

- Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 phê duyệt đề cương nhiệm vụ "Truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ thuộc các ngành, lĩnh vực, địa phương và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Hà Nam".

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ, dự án

- Hà Nam là một tỉnh nhỏ các biểu hiện của biến đổi khí hậu đã hình thành, nguồn kinh phí của tỉnh còn hạn chế chủ yếu từ nguồn kinh phí trung ương và các tổ chức quốc tế. Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ngành địa phương:

+ Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về BVMT, chủ động ứng phó với BĐKH trên địa bàn như: Tổ chức các lớp tập huấn đào tạo cho các cơ quan địa phương nhằm phát triển và thực hiện các mục tiêu thích ứng với BĐKH ở địa phương; tổ chức hội thảo về thực hiện biện pháp giảm nhẹ và thích ứng với BĐKH.

+ Lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, như: Chuyển đổi cơ cấu, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới thích ứng biến đổi khí hậu trong xây dựng đô thị, phát triển, sử dụng năng lượng, giao thông, vật liệu xây dựng, thoát nước...

+ Ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện có hiệu quả những dự án liên quan đến các hoạt động về BĐKH. Bảo đảm sử dụng minh bạch, đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn ODA và các nguồn hỗ trợ quốc tế khác.

- Các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình, theo chỉ đạo của UBND tỉnh lồng ghép công tác ứng phó với BĐKH trong xây dựng quy hoạch ngành, trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, các chương trình, dự án riêng hâu như không có. Chủ yếu phối hợp thực hiện chương trình phòng chống lụt bão hàng năm theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão của tỉnh.

- Căn cứ vào Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 (gồm 7 chương trình, 65 dự án, đề án) theo Phụ lục I. Tính đến ngày 30/9/2015, tỉnh Hà Nam thực hiện được 01 dự án, 01 dự án đang thực hiện, các chương trình dự án còn lại chưa thực hiện được do không có nguồn kinh phí.

1.1. Chương trình, dự án đã thực hiện

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện Dự án "Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu" với tổng kinh phí 1 tỷ đồng, 100% kinh phí do Trung ương hỗ trợ. (Theo văn bản số 13823/BTC-NSNN ngày 14/10/2010 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó biến đổi khí hậu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách tỉnh Hà Nam một tỷ đồng để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh Hà Nam).

1.2. Chương trình dự án đang thực hiện

Dự án "Nâng cấp, gia cố, tăng khả năng thoát lũ và chống sạt lở bờ sông Đáy trên toàn tuyến sông Đáy thuộc địa phận tỉnh Hà Nam - Đoạn từ ngã ba Hữu Vinh, xã Hồng Quang, huyện Ứng Hòa, TP Hà Nội đến cầu Hồng Phú, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam" được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận trong danh mục dự án ưu tiên theo Chương trình Hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu tại văn bản số 2241/TTg-KTTH ngày 19/12/2013. Tổng mức đầu tư là 4.789.999 triệu đồng (Trong đó: Vốn ngân sách trung ương từ chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu là 4.086.000 triệu đồng, vốn ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 703.999 triệu đồng). Kế hoạch vốn năm 2015: 140 tỷ đồng - Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước (theo văn bản số 78/TTg-KTTH ngày 16/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC). Dự án đang hoàn thiện thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư công.

1.3. Chương trình, dự án chưa thực hiện

- Dự án "Rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu" với kinh phí dự kiến 4.000 triệu đồng. Tuy nhiên, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020 mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 22/7/2011 (theo quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ)

- Các chương trình, dự án còn lại theo Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-

ĐA XHCN
SỞ
TÀI NGUYÊN
MÔI TRƯỜNG
HÀ NAM

2020 tại Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 22/12/2010 chưa thực hiện được do không có kinh phí. (Phụ lục II)

2. Kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của cơ quan thực hiện Chương trình

2.1. Việc ban hành các văn bản liên quan đến biến đổi khí hậu

Các văn bản tỉnh Hà Nam đã ban hành thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, gồm:

- Quyết định 1296/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương "Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu".

- Quyết định 687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập ban chỉ đạo và tổ chức giúp việc ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Quyết định 1662/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020.

- Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đề cương nhiệm vụ "Truyền thông nâng cao nhận thức và năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho cán bộ thuộc các ngành, lĩnh vực, địa phương và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh Hà Nam".

2.2. Giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về Chương trình hành động và ứng phó với biến đổi khí hậu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức và trách nhiệm cho toàn dân về biến đổi khí hậu; đẩy mạnh công tác đào tạo nguồn nhân lực để phục vụ cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tranh thủ tối đa sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của các Tổ chức quốc tế để thực hiện hiệu quả Chương trình.

- Triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu hướng dẫn, đồng thời lồng ghép các vấn đề biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Đánh giá diễn biến khí hậu; xây dựng các kịch bản biến đổi khí hậu; đánh giá các tác động của biến đổi khí hậu và khả năng tồn thương do biến đổi khí hậu đối với các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học và sức khoẻ cộng đồng. Các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị có liên quan xây dựng và lựa chọn các giải pháp phù hợp ứng phó với biến đổi khí hậu cho lĩnh vực của ngành mình quản lý.

- Hiện đại hóa hệ thống quan trắc và công nghệ dự báo khí tượng thủy văn bảo đảm cảnh báo, dự báo sớm các hiện tượng thời tiết, khí hậu cực đoan.

- Nâng cao chất lượng rừng, trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo đảm khai thác hiệu quả các loại rừng để duy trì và nâng cao khả năng phòng chống thiên tai, chống sa mạc hóa, xâm thực, suy thoái đất.

- Thúc đẩy hợp tác toàn cầu, đa phương, song phương, thông qua đó có thể tiếp cận các cơ chế mới đang hình thành để tiếp nhận hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển.

- Xây dựng bản đồ ngập lụt, bản đồ rủi ro thiên tai, khí hậu theo các kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, gắn với hệ thống thông tin địa lý, thông tin viễn thám phục vụ hoạch định chính sách từ trung ương đến địa phương.

III. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tổng kinh phí được giao giai đoạn 2010-2015: 2.228.900 triệu đồng (Phụ lục II) với nguồn kinh phí từ trung ương.

IV. HIỆU QUẢ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Sự hỗ trợ của quốc tế cho tỉnh Hà Nam thực hiện Chương trình để triển khai các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2010-2015: Không có

V. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những nhiệm vụ, dự án còn tồn tại

- Các chương trình, dự án còn tồn tại trong giai đoạn 2011-2015 nguyên nhân là do không có kinh phí (*Phụ lục I*)

- Dự án "Rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu" không thực hiện do "Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2020" mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 22/7/2011 (theo quyết định số 1226/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ).

2. Khó khăn, tồn tại trong quá trình thực hiện

- Nhận thức của các tổ chức xã hội và người dân về ứng phó với ~~BĐKH~~ còn hạn chế.

- Không có nguồn kinh phí để thực hiện các chương trình, dự án ứng phó với BĐKH theo chương trình mục tiêu ứng phó với BĐKH trên địa bàn tỉnh đã được phê duyệt.

- Sự phối hợp để ứng phó với BĐKH trong các ngành và lĩnh vực còn hạn chế, thiếu đồng bộ.

3. Nguyên nhân

- Nhận thức và tầm nhìn của các cấp, các ngành và người dân về biến đổi khí hậu chưa đầy đủ, thiếu thống nhất, còn thiên về lợi ích kinh tế trước mắt, chưa coi trọng phát triển bền vững.

- Nhận thức về biến đổi khí hậu của cộng đồng còn hạn chế chưa quan tâm đúng mức tới việc chuyển đổi lối sống, mẫu hình sản xuất và tiêu thụ theo định hướng các-bon thấp, tăng trưởng xanh.

- Việc triển khai các hoạt động liên quan đến BĐKH còn thiếu hệ thống, chưa đồng bộ.

- Chưa có kinh phí, nguồn vốn để triển khai các chương trình, dự án đã được phê duyệt về thực hiện Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2020.

- Thiếu kiến thức về quá trình BĐKH cũng như tác động của chúng đến các hoạt động kinh tế - xã hội.

VI. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Nguồn ngân sách của tỉnh còn hạn hẹp, đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí, nguồn vốn để tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án đã được phê duyệt về thực hiện Chương trình MTQG ứng phó biến đổi khí hậu đến năm 2020.

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương tăng cường đào tạo, tập huấn cho cán bộ chuyên môn của địa phương về lĩnh vực BĐKH.

- Đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương tăng cường hợp tác nhằm tranh thủ nguồn lực kinh tế và kinh nghiệm quốc tế cho ứng phó với BĐKH, nước biển dâng và bảo vệ môi trường để hỗ trợ cho địa phương.~~đ/c~~

Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- UBND tỉnh;
- Lãnh đạo sở (Ô.Song, Ô.Thông);
- Lưu: VT, KSN&KTTV.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đinh Xuân Thông

Phụ lục II

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
ỨNG PHÓ VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2011-2015**

STT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu đạt được	Nội dung chính	Kinh phí (triệu đồng)	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Nâng cao năng lực điều tra, đánh giá						
1	Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm thực hiện mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH	Kế hoạch được xây dựng triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia ứng phó với BĐKH của tỉnh Hà Nam góp phần vào việc xoá đói giảm nghèo và phát triển bền vững thông qua giải quyết những vấn đề mang tính chiến lược vĩ mô của tỉnh Hà Nam liên quan đến vấn đề BĐKH	Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam	2.000	Trung ương	2011	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
2	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các cấp trong công tác ứng phó với BĐKH	Nâng cao và bồi dưỡng cho cán bộ quản lý trong việc xây dựng kế hoạch hành động của địa phương về việc thích ứng và giảm nhẹ đối với BĐKH	Nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý các cấp	1.500	Trung ương	2011	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
3	Nâng cao năng lực cho cộng đồng dân cư trong việc ứng phó với BĐKH	Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong việc bảo vệ môi trường thích ứng với BĐKH	Nâng cao năng lực cho cộng đồng dân cư	2.000	Trung ương	2011 - 2012	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
4	Nghiên cứu điều tra BĐKH và nước biển dâng <i>Tác động đến sản xuất nông nghiệp</i> <i>Tác động đến nuôi trồng thủy sản</i> <i>Tác động đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái</i>	<i>BĐKH và nước biển dâng</i> <i>Tác động đến nông nghiệp</i> <i>Tác động đến nuôi trồng thủy sản</i> <i>Tác động đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái</i>	<i>BĐKH và nước biển dâng</i> <i>Tác động đến nông nghiệp</i> <i>Tác động đến nuôi trồng thủy sản</i> <i>Tác động đến đa dạng sinh học và hệ sinh thái</i>	1.500 500 500 500	Trung ương	2011 2011 Trung ương Trung ương	Chưa thực hiện vì không có kinh phí Chưa thực hiện vì không có kinh phí Chưa thực hiện vì không có kinh phí Chưa thực hiện vì không có kinh phí

	Phân tích đánh giá các nguồn tư liệu đã được thu thập và xác định các loại dữ liệu, thông tin cần phải tiến hành điều tra, khảo sát bổ sung	Loại dữ liệu đã thu thập, loại dữ liệu cần bổ sung	800	2011 - 2012	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
5	Xây dựng chuyên mục truyền thông trên đài truyền hình tỉnh về BDKH	Chuyên mục truyền thông trên đài truyền hình tỉnh	1.000	Trung ương	2011 - 2015
6	Quy hoạch tổng thể lưu vực sông Nhuệ Đầu (kè đê điều, nạo vét dòng sông, thu gom xử lý nước thải trước khi đổ ra lưu vực, giao thông đường bộ, đường thủy, đô thị, dân cư...)	Quy hoạch tổng thể lưu vực sông Nhuệ Đầu	3.000	Trung ương	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của BDKH đến hoạt động nông nghiệp (chăn nuôi, trồng chơ). Dự báo khả năng và mức độ ảnh hưởng của hoạt động nông nghiệp theo quy hoạch phát triển KTXH và phát triển ngành nông nghiệp và đề xuất giải pháp đối phó	Tác động của BDKH đến ngành nông nghiệp và đề xuất giải pháp đối phó	900	Trung ương	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
8	Tác động của BDKH đến ngành nông nghiệp và đề xuất giải pháp đối phó	Tác động của BDKH đến ngành nông nghiệp và đề xuất giải pháp đối phó	900	Trung ương	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
9	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do tác động BDKH đến các khu du lịch sinh thái, khu di tích lịch sử văn hóa trong tỉnh	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do tác động của BDKH	500	Trung ương	2011 - 2013
	Tìm hiểu, đánh giá tính dễ bị tổn thương do BDKH cho các khu du lịch sinh thái, khu bảo tồn thiên nhiên. Đánh giá mức độ ảnh hưởng của BDKH và nước biển dâng đến khu vực nghiên cứu	Đánh giá tính dễ bị tổn thương do tác động của BDKH			Chưa thực hiện vì không có kinh phí

10	Dánh giá hiện trạng, dự báo biến động và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên khoáng san phục vụ ngành công nghiệp xi măng, vật liệu xây dựng trong bối cảnh BĐKH	Dánh giá được hiện trạng, dự báo biến động và khả năng khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường và khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong bối cảnh BĐKH	Dánh giá hiện trạng, dự báo biến động và đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường	900	Trung ương	2011 - 2013	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
11	Tăng cường năng lực đối phó BĐKH của địa phương	Dánh giá các tác động có thể xảy ra do BĐKH và năng lực của địa phương trong việc ứng phó với BĐKH. Nghiên cứu, đề xuất và thực hiện những chiến lược thích ứng, giảm thiểu/hạn chế tác động tiêu cực đến sinh kế và tính dễ bị tổn thương của cộng đồng (đặc biệt nhóm người nghèo), hướng tới giảm nghèo và phát triển bền vững địa phương	Tăng cường năng lực đối phó với BĐKH của địa phương	500	Trung ương	2011 - 2015	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
12	Đánh giá tổng hợp vai trò giảm thiểu phát thải khí cacbon từ rác thải sinh hoạt	Tổng hợp, phân tích, đánh giá hiện trạng thu gom xử lý rác thải của tỉnh Hà Nam (tập trung thành phố Phù Lý) Tính toán và đánh giá khả năng giảm thiểu phát thải khí cacbon trên quan điểm thích ứng, giảm thiểu BĐKH và phát triển bền vững	Đánh giá tổng hợp vai trò giảm thiểu phát thải khí cacbon từ rác thải sinh hoạt	500	Trung ương	2011 - 2013	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
13	Quản lý tài nguyên nước trong tỉnh hình BĐKH tại tỉnh Hà Nam, đánh giá tác động của BĐKH và đề xuất các giải pháp đối phó	Dánh giá được biến động về trữ lượng và chất lượng của tài nguyên nước (nước mặt, nước ngầm) tại tỉnh Hà Nam trong tình hình BĐKH. Dánh giá hiện trạng quản lý tài nguyên nước và đề xuất các giải pháp nhằm bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên nước của tỉnh.	Quản lý tài nguyên nước trong tình hình BĐKH tại tỉnh Hà Nam	800	Trung ương	2011 - 2013	Chưa thực hiện vì không có kinh phí

II Lĩnh vực các dự án ứng phó với BĐKH					
1	Trồng cây phủ xanh đất trống đồi trọc	Phủ xanh đất trống và đồi núi trọc và nâng cao chất lượng rừng trồng	Trồng cây phủ xanh đất trống đồi trọc	5.000	Trung ương 2011 - 2015
2	Dự án nạo vét, kè đê sông Nhuệ để thoát nước cho thành phố Hà Nội	Hệ thống sông chính của Hà Nam bị ô nhิểm nặng chủ yếu do nước thải từ Hà Nội. Vì vậy, hệ thống các sông này cần được nạo vét cải tạo giảm thiểu những tác động xấu do ô nhiễm môi trường nước mặt đến sản xuất và sức khỏe của nhân dân	Dự án nạo vét, kè đê sông Nhuệ để thoát nước cho thành phố Hà Nội	140.000	Trung ương 2011 - 2015
3	Dự án phòng chống nhiễm mặn cho sông Nhuệ, sông Đáy (khi triều cường lên cao và nước dòng sông cạn kiệt)	Phòng chống nhiễm mặn cho sông Nhuệ, sông Đáy	Phòng chống lũ lụt cho vùng phân lũ	150.000	Trung ương 2011 - 2015
4	Dự án phòng chống lũ lụt cho vùng phân lũ (phía tây sông Đáy)	Phòng chống lũ lụt cho vùng phân lũ	150.000	Trung ương 2011 - 2015	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
5	Dự án tổng thể cấp nước sinh hoạt cho nhân dân tỉnh từ nước sông Hồng và sông Đáy	Dự án tổng thể cấp nước sinh hoạt cho nhân dân tỉnh	100.000	Trung ương 2011 - 2015	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
6	Dự án xây dựng hệ thống tưới tiêu cho huyện Kim Bảng, huyện Duy Tiên		100.000	Trung ương 2011 - 2015	Chưa thực hiện vì không có kinh phí
7	Dự án cải tạo một số hồ lớn của thành phố Phù Lý và một số thị trấn trong tỉnh nhằm cải thiện môi trường	Hệ thống các hồ tạo cảnh quan cho thành phố Phù Lý nhưng hiện tại hầu hết các hồ đều bị ô nhiễm do nước thải sinh hoạt gây mất mỹ quan và ảnh hưởng sức khỏe của nhân dân. Do đó dự án này được thực hiện sẽ giúp giải quyết các vấn đề ô nhiêm tạo cảnh quan đẹp	8.000	Trung ương 2011 - 2015	Chưa thực hiện vì không có kinh phí

8	Xây dựng hệ thống quan trắc tự động môi trường không khí tại một số khu vực sản xuất xi măng và khai thác khoáng sản ở Hà Nam phát triển khá mạnh, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí rất lớn. Việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động tại một số khu vực quan trọng sẽ giúp theo dõi diễn biến môi trường không khí và phát hiện việc một số vi phạm quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở hoạt động sản xuất trong lĩnh vực này	Hoạt động sản xuất xi măng và khai thác khoáng sản ở Hà Nam phát triển khá mạnh, nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí rất lớn. Việc lắp đặt hệ thống quan trắc tự động tại một số khu vực quan trọng sẽ giúp theo dõi diễn biến môi trường không khí và phát hiện việc một số vi phạm quy định bảo vệ môi trường của các cơ sở hoạt động sản xuất trong lĩnh vực này	5.000	Trung ương	2011 - 2015
9	Nâng cấp cao trình đê sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu Giang và cung hoả mặt đê	Nâng cấp cao trình đê và cung hoả mặt đê ứng phó với nước sông Hồng dâng và đập ứng nhu cầu giao thông của người dân	400.000	Trung ương	2011 - 2015
10	Nâng cấp hệ thống công qua đê các sông	Nâng cấp hệ thống qua đê các sông đáp ứng với việc nâng cấp đê phục vụ sản xuất và dân sinh	100.000	Trung ương	2011 - 2015
11	Nâng cấp hệ thống Trạm bơm qua đê sông Hồng, sông Đáy, sông Nhuệ và các công trình phụ trợ	Nâng cấp hệ thống trạm bơm đầu mối và hệ thống công trình phụ trợ để tiêu thoát nước phục vụ sản xuất và bảo vệ dân sinh kinh tế khi mục nước dâng	600.000	Trung ương	2011 - 2015
12	Quy hoạch, bố trí tái định cư khu vực bồi sông Hồng, ven sông Đáy, sông Nhuệ, sông Châu Giang	Quy hoạch địa điểm di dân và bố trí tái định cư cho các hộ dân khu vực bồi các sông vào khu vực an toàn	515.000	Trung ương	2011 - 2015
Tổng cộng			2.288.900		

(Hai nghìn hai trăm tám mươi chín trăm triệu đồng)

Số: 4662 /QĐ-UBND

Hà Nam, ngày 22 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Văn bản số 3815/BTNMT-KTTVBDKH ngày 13 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Khung hướng dẫn xây dựng kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu cho các Bộ, ngành, địa phương”;

Căn cứ Quyết định số 1296/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt đề cương: Xây dựng kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Quyết định số 2139/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 305/TTr-STNMT ngày 13 tháng 12 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch hành động), với nội dung chủ yếu tại phần Phụ lục I và II kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý:

Xây dựng hệ thống tổ chức quản lý về biến đổi khí hậu từ cấp tỉnh đến các huyện, thành phố có qui định về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý, cơ chế phối hợp và giám sát, đánh giá quá trình thực hiện.

a) Tổ Tư vấn khoa học liên ngành về biến đổi khí hậu;

Thành lập Tổ Tư vấn khoa học liên ngành về biến đổi khí hậu với chức năng đánh giá và tổng hợp các vấn đề khoa học và công nghệ về biến đổi khí

nhau, tạo cơ sở khoa học cho các quyết định quan trọng của Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện kế hoạch hành động.

b) Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu:

- Ban Chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Hà Nam (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) đã được thành lập tại Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 16/6/2011.

- Ban Chỉ đạo sẽ chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện hoạt động về biến đổi khí hậu của các Sở, ngành, địa phương theo sự phân công quản lý, điều hành.

2. Trách nhiệm của các Sở, ngành:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương đề xuất, xây dựng cơ chế chính sách quản lý, điều hành thực hiện Kế hoạch hành động, trình UBND tỉnh ban hành hoặc ban hành theo chức năng nhiệm vụ đã được quy định.

- Xác định mục tiêu, xây dựng nhiệm vụ, tính toán kinh phí và đề xuất các giải pháp thực hiện để tổng hợp vào kế hoạch 5 năm, hàng năm trình UBND tỉnh; phối hợp với các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư chuẩn bị kinh phí chi tiết, cân đối phân bổ nguồn lực cho các Sở, ngành, các địa phương và trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Hướng dẫn và hỗ trợ các Sở, ngành, các địa phương trong quá trình thực hiện Kế hoạch hành động.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động và trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Điều phối chung các hoạt động về thông tin, giáo dục và truyền thông liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Hướng dẫn, giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động.

- Thực hiện nhiệm vụ Văn phòng thường trực của Ban Chỉ đạo (sau đây gọi tắt là Văn phòng Ban Chỉ đạo).

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, các địa phương rà soát, điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Phối hợp với các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường điều phối các nguồn vốn cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

c) Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường phân bổ kinh phí cho các đề án, dự án và nhiệm vụ của Kế hoạch hành động.

d) Các Sở, ngành, đoàn thể:

- Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch hành động.
- Chủ động tham gia các hoạt động phối hợp chung theo sự điều hành của Ban Chỉ đạo.
 - Đảm bảo sử dụng đúng mục tiêu và có hiệu quả nguồn vốn của Kế hoạch hành động; đồng thời chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép hoạt động của kế hoạch này vào các hoạt động liên quan thuộc chương trình, kế hoạch khác theo lĩnh vực của đơn vị nhằm đạt được mục tiêu chung của Kế hoạch hành động.

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hành động.
- Chủ động huy động thêm nguồn lực và lồng ghép các hoạt động liên quan khác trên địa bàn để đạt được các chỉ tiêu trong Kế hoạch hành động

3. Tham gia của các tổ chức xã hội, khối doanh nghiệp và toàn dân:

a) Tham gia của cộng đồng:

- Huy động cộng đồng, hộ gia đình tham gia tích cực xây dựng, vận hành và quản lý các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu, nhân rộng và phổ biến kinh nghiệm các mô hình ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Khuyến khích các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp, các đoàn thể quần chúng tích cực tham gia thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia.

- Thành lập các tổ chức tự quản để giám sát và ứng phó nhanh với tác động có hại của biến đổi khí hậu, đặc biệt là các thiên tai bất thường.

b) Tham gia của các tổ chức phi Chính phủ:

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi Chính phủ tham gia vào các quá trình hoạch định chính sách, chương trình, kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức phi Chính phủ thực hiện các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu ở cấp cộng đồng; tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu.

c) Tham gia của khối doanh nghiệp:

Có cơ chế chính sách để khuyến khích khối doanh nghiệp đầu tư vào các dự án thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

4. Cơ chế giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch hành động:

a) Mục đích giám sát, đánh giá:

- Giám sát và đánh giá đúng tình hình, kết quả thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động và những tồn tại, khó khăn cùng các nguyên nhân trong quá trình thực hiện để có biện pháp điều chỉnh thích hợp.

- Kiến nghị các giải pháp nhằm phát huy những mặt tích cực, khắc phục những mặt tồn tại, giúp các cơ quan hoạch định chính sách phát triển có đú

mong tin thực tế để hoàn thiện và điều chỉnh chính sách, cơ chế thúc đẩy các hoạt động của Kế hoạch hành động cho từng thời kỳ.

- Cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch hành động, giúp hoàn thiện nguồn thông tin và hệ thống số liệu thống kê về Kế hoạch hành động.

b) Nội dung giám sát, đánh giá:

- Giám sát, đánh giá việc huy động và phân bổ các nguồn lực cho các mục tiêu của Kế hoạch hành động (đầu vào): kết quả và hiệu quả sử dụng các nguồn lực.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch hành động (đầu ra): kết quả và mức độ thực hiện.

- Giám sát, đánh giá việc xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách của Kế hoạch hành động: sự tuân thủ và tác động của các chính sách, cơ chế đối với việc thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu của Kế hoạch hành động.

- Giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động của các đơn vị, lĩnh vực, địa phương: kết quả và mức độ thực hiện.

- Phát hiện những mặt mạnh, mặt yếu, những thiếu sót và những thách thức cũng như các cơ hội trong thực hiện các mục tiêu và chỉ tiêu của Kế hoạch hành động. Theo đó, chỉ ra những nguyên nhân và kiến nghị cách thức, phương hướng khắc phục hoặc phát huy.

- Hàng năm, các cơ quan, đơn vị tham gia thực hiện Kế hoạch hành động phải đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm trước và đề xuất kế hoạch, chương trình thực hiện năm tiếp theo và gửi về Văn phòng Ban Chỉ đạo để tổng hợp báo cáo Ban Chỉ đạo xem xét, quyết định.

c) Quy định cụ thể về giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch:

Việc giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch hành động được thực hiện như sau:

- Cấp huyện, thành phố:

+ Phòng Tài nguyên và Môi trường là đơn vị thường trực của UBND huyện, thành phố; chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ những số liệu, thông tin liên quan; kiểm tra, hướng dẫn các phòng, ban, đơn vị có liên quan cấp huyện gửi báo cáo đúng định kỳ. Tổng hợp thông tin, xây dựng báo cáo định kỳ hàng năm để gửi UBND huyện, thành phố.

+ Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt và gửi báo cáo định kỳ về Văn phòng Ban Chỉ đạo.

- Cấp Tỉnh:

+ Các Sở, ngành chịu trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ban Chỉ đạo thông qua Văn phòng Ban Chỉ đạo.

+ Văn phòng Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm quản lý, lưu giữ thông tin do các huyện, thành phố, các Sở, ngành báo cáo; kiểm tra, hướng dẫn các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố gửi báo cáo theo đúng định kỳ; kiểm tra

nguồn số liệu và độ tin cậy của các số liệu; Văn phòng Ban Chỉ đạo chuẩn bị các báo cáo định kỳ và gửi Ban Chỉ đạo để trình UBND tỉnh.

5. Chế độ báo cáo:

- Các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm báo cáo tình hình tài chính và kết quả thực hiện Kế hoạch hành động gửi Văn phòng Ban Chỉ đạo, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định hiện hành.

- Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp đánh giá và báo cáo tình hình thực hiện các mục tiêu, nội dung và hiệu quả sử dụng kinh phí của Kế hoạch hành động theo quy định hiện hành.

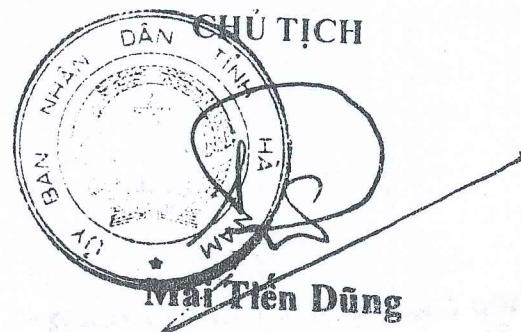
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

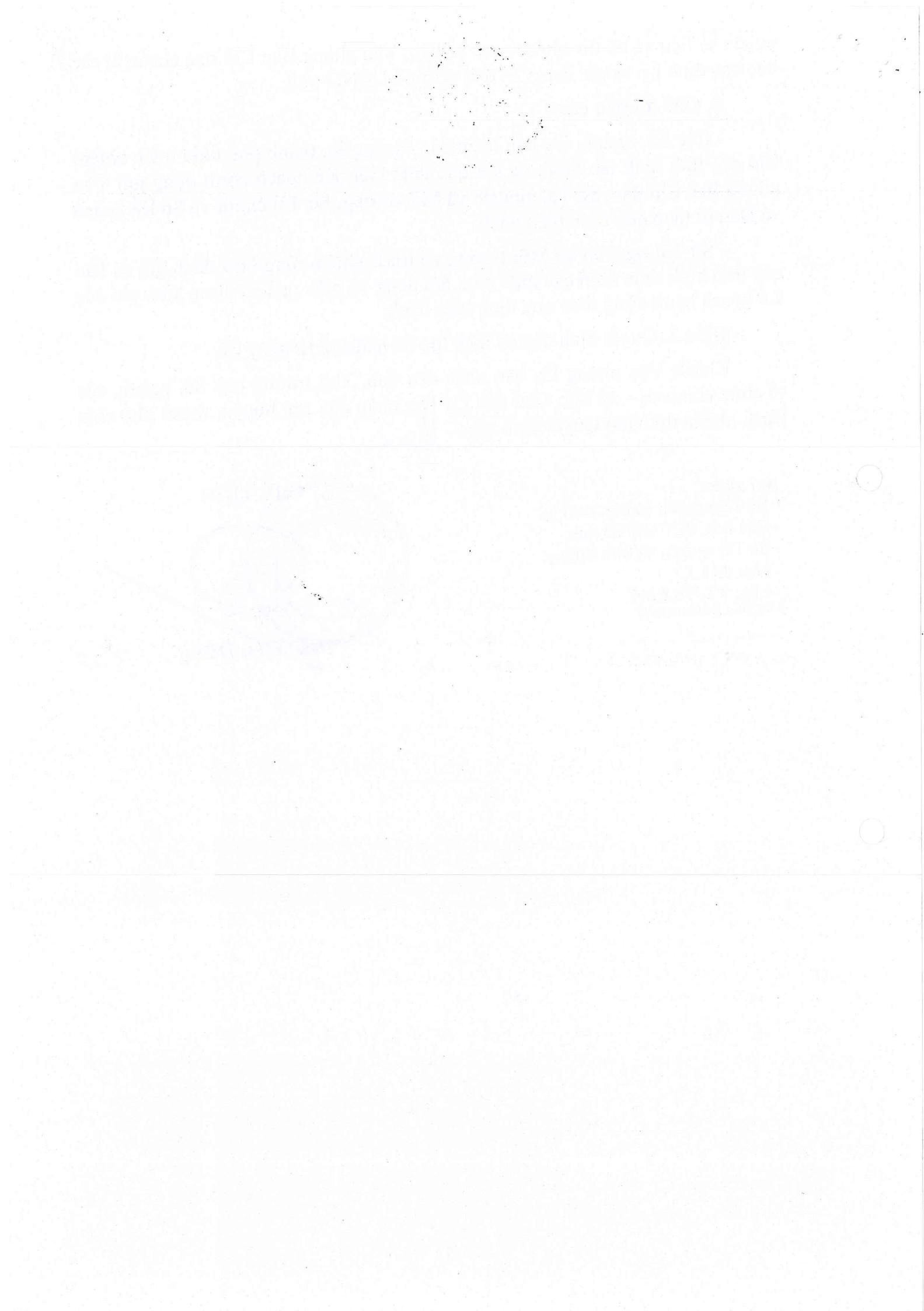
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TN&MT.

ML.D/12-2011/MT/QD/57.







NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG ỦNG PHÓ VỚI BIỂN ĐỔI KHÍ HẬU TỈNH HÀ NAM

(Kèm theo Quyết định số: 1662/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

I. MỤC TIÊU CỦA KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG:

1. Mục tiêu tổng quát:

Tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của con người và các hệ thống tự nhiên, phát triển nền kinh tế các-bon thấp nhằm bảo vệ và nâng cao chất lượng cuộc sống, bảo đảm an ninh và phát triển bền vững, bảo vệ cuộc sống của người dân, phòng tránh và giảm thiểu những hiểm họa của biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu cụ thể:

- Đảm bảo an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, xóa đói giảm nghèo, bình đẳng giới, an sinh xã hội, sức khỏe cộng đồng, nâng cao đời sống, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên trong bối cảnh biến đổi khí hậu;

- Nền kinh tế các-bon thấp, tăng trưởng xanh trở thành xu hướng chủ đạo trong phát triển bền vững; giám nhẹ phát thải khí nhà kính và tăng khả năng hấp thụ khí nhà kính dần trở thành chỉ tiêu bắt buộc trong phát triển kinh tế - xã hội;

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu của các Sở, ngành và cộng đồng;

- Phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực;

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, phát triển và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính; tận dụng các cơ hội từ biến đổi khí hậu để phát triển kinh tế - xã hội; phát triển và nhân rộng lối sống, mẫu hình tiêu thụ thân thiện với hệ thống khí hậu.

II. ĐỊNH HƯỚNG VÀ NHIỆM VỤ:

2.1. Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai:

a) Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thiện đề xuất các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai.

- Hoàn thành việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất.

- Ưu tiên triển khai thực hiện nhiệm vụ trọng tâm trong Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai.

- Triển khai xây dựng thí điểm mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Hoàn thành triển khai các giải pháp cụ thể để phòng chống hiệu quả thiên tai.

- Hoàn thành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020.

- Hoàn thành việc rà soát, xây dựng các quy chuẩn xây dựng trong vùng thường xuyên bị thiên tai.

- Hoàn thiện các cơ sở hạ tầng kỹ thuật chủ yếu và quy hoạch các khu dân cư nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn chuyên nghiệp, làm nòng cốt cho việc chỉ đạo phối hợp và hiệp đồng chặt chẽ giữa các lực lượng tìm kiếm cứu nạn để chủ động ứng phó khi có tình huống cấp bách xảy ra.

- Nhận rõ mô hình cộng đồng thích ứng với biến đổi khí hậu.

2.2. Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước:

a) An ninh lương thực:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Nghiên cứu và thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của biến đổi khí hậu, đặc điểm sinh thái các vùng, địa phương, tận dụng các cơ hội để phát triển nông nghiệp bền vững.

- Nghiên cứu, phát triển và áp dụng công nghệ sinh học, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến hướng tới một nền nông nghiệp hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo tốc độ tăng trưởng nông, lâm nghiệp và thủy sản đạt 2,5%, nông nghiệp, chăn nuôi, dịch vụ nông nghiệp tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất là 2,5. Phát triển nông nghiệp theo hướng tăng chăn nuôi, dịch vụ, mở rộng diện tích cây vụ đông hàng hóa trên cơ sở áp dụng các biện pháp cần thiết ứng phó với biến đổi khí hậu.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Phần đầu giá trị ngành nông nghiệp đạt khoảng 6.200 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân trung trệt, chăn nuôi và dịch vụ nông nghiệp đạt 2%. Phần cơ sở áp dụng các biện pháp cần thiết ứng phó với biến đổi khí hậu. Năm 2020, phần đầu xây dựng 65 khu chăn nuôi gia súc, gia cầm để nuôi 70% số đầu lợn và 90% số đầu gia cầm trong tổng đàn.

- Bước đầu hoàn thiện hệ thống kiểm soát, phòng chống dịch bệnh cây trồng và vật nuôi trong điều kiện biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành các cơ chế, chính sách, tăng cường hệ thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro trong nông nghiệp.

b) An ninh tài nguyên nước:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng hợp tài nguyên nước, thủy lợi, bảo vệ môi trường, cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

- Hoàn thành cơ sở dữ liệu về biến động và sử dụng tài nguyên nước liên quan đến biến đổi khí hậu.

- Tăng cường công tác điều tra, nghiên cứu, đánh giá, dự báo, quan trắc chất lượng, số lượng trong khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

- Hoàn thiện việc củng cố và nâng cấp đê sông; hệ thống các công trình tưới, tiêu thuộc 4 huyện, thành phố của tỉnh (thành phố Phủ Lý và các huyện: Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân) giai đoạn đến năm 2015 như đã đề ra trong Quy hoạch thủy lợi hệ thống Bắc Nam Hà.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Hoàn thành công tác quy hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước.

- Hoàn thành việc cung cấp nâng cấp đê sông; hệ thống các công trình tưới, tiêu thuộc 4 huyện, thành phố của tỉnh (thành phố Phủ Lý và các huyện: Thanh Liêm, Bình Lục, Lý Nhân) giai đoạn 2015-2020 như đã đề ra trong Quy hoạch thủy lợi hệ thống Bắc Nam Hà.

- Bước đầu hoàn thành việc nâng cao năng lực quản lý tài nguyên nước; tăng cường thực hiện quy hoạch, triển khai đồng bộ các biện pháp phát triển bền vững tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

2.3. Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học:

a) Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
- Hoàn thành việc xây dựng các mô hình khu đô thị xanh, khu dân cư xanh.
- Hoàn thành việc xây dựng và triển khai các chương trình bảo vệ, quản lý bền vững diện tích rừng tự nhiên và rừng sản xuất hiện có.

- Bước đầu xây dựng các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao khả năng hấp thụ các-bon của rừng, kết hợp với duy trì và đa dạng hóa sinh kế dân cư các vùng, địa phương, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành việc xây dựng các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong bảo tồn, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái tự nhiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng hấp thụ các-bon của rừng và các hệ sinh thái.

b) Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Từng bước phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, giữ tỷ lệ che phủ của rừng khoảng 7%, diện tích khoảng 6.000 ha.

- Triển khai và nhân rộng các mô hình khu đô thị xanh, khu dân cư xanh.

- Bảo tồn đa dạng sinh học, chú trọng bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái, các giống, loài có sức chống chịu tốt với các thay đổi khí hậu; bảo vệ và bảo tồn nguồn gien và các giống loài có khả năng bị tuyệt chủng do tác động của biến đổi khí hậu.

- Hoàn thành tăng cường năng lực, hiệu quả của hệ thống đánh giá, dự báo, phòng chống, theo dõi, giám sát và ứng phó khẩn cấp với cháy rừng.

- Tiếp tục xây dựng và thực hiện các chương trình về giảm phát thải khí nhà kính thông qua những nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý rừng bền vững, bảo tồn và nâng cao khả năng hấp thụ các-bon của rừng, kết hợp với duy trì và đa dạng hóa sinh kế dân cư các vùng, địa phương, hỗ trợ thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Triển khai rộng rãi các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong bảo tồn, phát triển bền vững rừng và các hệ sinh thái tự nhiên nhằm ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng hấp thụ các-bon của rừng và các hệ sinh thái.

2.4. Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp:

- Thực hiện hiệu quả Chiến lược tăng trưởng xanh, từng bước chuyển sang nền kinh tế xanh, phát triển bền vững đất nước.

- Hoàn thành việc thực hiện Chiến lược phát triển ngành Lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020.

a) Phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mới:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Bước đầu nghiên cứu các công nghệ sản xuất năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới, bao gồm năng lượng gió, năng lượng mặt trời, địa nhiệt, nhiên liệu sinh học.

- Hoàn thành việc xây dựng các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong ứng dụng và nhân rộng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Triển khai các công nghệ sản xuất năng lượng từ các nguồn năng lượng tái tạo và năng lượng mới.

- Triển khai rộng rãi các chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế - xã hội trong ứng dụng và nhân rộng sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo.

b) Sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Bước đầu triển khai tái cơ cấu kinh tế theo hướng giảm các ngành công nghiệp sử dụng nhiều năng lượng; tăng cường, khuyến khích các ngành sử dụng năng lượng thấp.

- Bước đầu nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp.

- Từng bước triển khai ứng dụng hệ thống phát điện cỡ nhỏ dùng khí mêtan thu hồi từ các bãi chôn lấp rác thải và các nguồn khác; thu hồi khí đốt, tận dụng nhiệt thừa của các nhà máy sản xuất công nghiệp để phát điện và đốt chất thải rắn phát điện.

- Hoàn thành việc xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết bị sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất vật liệu và các công trình xây dựng.

- Thực hiện đầy đủ theo Luật sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả; nâng cao hiệu quả sử dụng, tiết kiệm và bảo tồn năng lượng; giám sát và theo dõi tình trạng sử dụng năng lượng của các ngành công nghiệp tiêu thụ nhiều năng lượng; áp dụng các tiêu chuẩn về hiệu quả năng lượng đối với các sản phẩm, hệ thống nhãn hiệu tiết kiệm năng lượng.

- Hoàn thành việc xây dựng các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng.

- Hoàn thiện việc rà soát và điều chỉnh Quy hoạch hệ thống giao thông vận tải; phát triển giao thông vận tải công cộng ở các đô thị, kiểm soát sự gia tăng phương tiện vận tải cá nhân.

- Bước đầu thay đổi phương thức canh tác nông nghiệp, sử dụng nước, phân bón, thức ăn chăn nuôi phù hợp, quản lý và xử lý chất thải trong chăn nuôi, phát triển sử dụng khí sinh học làm nhiên liệu, hạn chế và loại bỏ dần các máy nông nghiệp lạc hậu tiêu thụ nhiều năng lượng.

- Hoàn thành việc xây dựng quy hoạch quản lý chất thải, tăng cường năng lực quản lý, giảm thiểu chất thải, tái sử dụng, tái chế chất thải nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Bước đầu triển khai ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp; đẩy mạnh thay thế nhiên liệu hóa thạch bằng các nhiên liệu phát thải các-bon thấp; ứng dụng sâu rộng sản xuất sạch hơn, đến năm 2020, có 90% các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng công nghệ sản xuất sạch hơn và tăng cường tiết kiệm năng lượng, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu.

- Áp dụng rộng rãi các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, thiết bị sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất vật liệu và các công trình xây dựng.

- Tăng cường nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao trong các ngành công nghiệp trọng điểm; đến năm 2020, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp của các ngành công nghiệp áp dụng công nghệ cao đảm bảo giá trị gia tăng trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp khoảng 42-45%; tăng cường đổi mới công nghệ theo hướng áp dụng công nghệ cao, đạt tỷ lệ đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị trên 20% vào năm 2020. Đến năm 2050, nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp của các ngành công nghiệp áp dụng công nghệ cao lên mức trên 80%.

○ - Đẩy mạnh chuyển đổi sử dụng nhiên liệu phát thải nhiều khí nhà kính sang nhiên liệu phát thải ít khí nhà kính. Việc chuyển đổi sử dụng năng lượng mới, ít phát thải đạt 40% vào năm 2020.

- Áp dụng rộng rãi các cơ chế, chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng, loại dần các phương tiện tiêu tốn nhiên liệu.

- Thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp xanh, ít phát thải, đảm bảo phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và góp phần xóa đói giảm nghèo, sau mỗi 10 năm giảm phát thải 20% khí nhà kính đồng thời đảm bảo tăng trưởng ngành 20% và giảm tỷ lệ đói nghèo 20%.

- Từng bước ứng dụng công nghệ xử lý rác thải hiện đại cho các khu đô thị và vùng nông thôn.

- Tăng cường năng lực quản lý, xử lý và tái sử dụng nước thải công nghiệp và sinh hoạt; đến năm 2020, 90% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý, trong đó 85% được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng.

2.5. Tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành việc rà soát và điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trên cơ sở khoa học, hiệu quả kinh tế và tính đến các yếu tố rủi ro, bất định của biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Đến năm 2015, ban hành các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội đã được rà soát, điều chỉnh.

- Thành lập Tổ Tư vấn khoa học liên ngành về biến đổi khí hậu của tỉnh và bắt đầu hoạt động từ năm 2013.

- Hoàn thiện cơ chế hoạt động và phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về biến đổi khí hậu, các cơ chế chính sách phát huy sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức phi chính phủ trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện xây dựng hệ thống theo dõi, báo cáo và thẩm định trong các hoạt động giám nhẹ phát thải khí nhà kính.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Từng bước lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thiết kế công trình, cơ sở hạ tầng dựa trên các kịch bản biến đổi khí hậu.

- Triển khai hệ thống theo dõi, báo cáo và thẩm định trong các hoạt động giảm nhẹ phát thải khí nhà kính.

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, các cơ chế chính sách huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức chính trị - xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức phi Chính phủ trong các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

2.6. Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành xây dựng thí điểm mô hình cộng đồng với sinh kế theo hướng các-bon thấp; thay đổi hành vi, lối sống theo hướng thân thiện với khí hậu nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền lợi các nhóm xã hội dễ bị tổn thương: phụ nữ, trẻ em, người già, người nghèo, ...

- Đào tạo đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực biến đổi khí hậu có đủ năng lực và trình độ đáp ứng được yêu cầu thực tế.

- Biên soạn và hoàn thiện chương trình đào tạo về biến đổi khí hậu trong các trường đại học.

- Đảm bảo 100% cán bộ của chính quyền địa phương các cấp trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực và hiểu biết về công tác phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Đảm bảo trên 70% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai được phổ biến kiến thức về phòng, chống lụt bão, hạn hán, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Bảo đảm trên 80% cộng đồng dân cư và 100% công chức, viên chức nhà nước có hiểu biết cơ bản về biến đổi khí hậu và các tác động của nó.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2020:

- Nhân rộng mô hình cộng đồng với sinh kế theo hướng các-bon thấp; thay đổi hành vi, lối sống theo hướng thân thiện với khí hậu nhằm giảm phát thải khí nhà kính.

- Từng bước cải tạo, nâng cấp, xây mới cơ sở hạ tầng, hiện đại hóa trang thiết bị, nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ngành y tế từ trung ương tới địa phương và tăng cường công tác phòng chống các dịch bệnh và các bệnh mới nổi để nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu. Đảm bảo năm 2020 mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cơ bản.

- Triển khai hệ thống chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, đảm bảo quyền lợi các nhóm xã hội dễ bị tổn thương: phụ nữ, trẻ em, người già, người nghèo, ...

- Kiện toàn đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và trình độ cao hoạt động trong lĩnh vực biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện và cập nhật chương trình đào tạo, giảng dạy và phổ cập kiến thức về biến đổi khí hậu trong hệ thống giáo dục và đào tạo các cấp.

- Đảm bảo 100% số dân các xã thuộc vùng thường xuyên bị thiên tai có được những kiến thức về phòng, chống lụt bão, hạn hán, thích ứng với biến đổi khí hậu; 100% công chức, viên chức có kiến thức cần thiết về biến đổi khí hậu và các giải pháp ứng phó.

2.7. Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về biến đổi khí hậu, đánh giá tác động, xác định các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu:

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành Chương trình Khoa học và Công nghệ về biến đổi khí hậu giai đoạn 2011-2015.

- Ứng dụng các kết quả nghiên cứu khoa học trong đánh giá tác động của biến đổi khí hậu, xây dựng cơ chế chính sách, giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu, tích hợp các vấn đề về biến đổi khí hậu trong các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Chỉ tiêu thực hiện đến năm 2015:

- Hoàn thành Chương trình Khoa học và Công nghệ về biến đổi khí hậu giai đoạn 2016-2020.

Các nhiệm vụ chủ yếu để đạt được các chỉ tiêu cụ thể của Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 được thể hiện qua các dự án, nhiệm vụ trong phần Phụ lục.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CHÍNH:

3.1. Xây dựng tổ chức và tăng cường năng lực, thể chế, chính sách:

- Xây dựng hệ thống tổ chức và các thể chế phù hợp để quản lý, điều hành triển khai Kế hoạch hành động nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu từ tỉnh tới huyện, thành phố, bao gồm: Xây dựng, bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến biến đổi khí hậu và các cơ chế chính sách khác để triển khai các hoạt động; Xây dựng cơ chế khuyến khích việc phối hợp thực hiện Kế hoạch hành động trên toàn tỉnh, các Sở, ban, ngành; Hoàn thiện hệ thống tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý từ cấp tỉnh đến huyện, thành phố.

- Hoàn chỉnh hệ thống chính sách và văn bản quy phạm pháp luật triển khai lồng ghép việc ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Xây dựng cơ chế phối hợp giữa các Sở, ngành và bộ máy quản lý thực hiện Kế hoạch hành động.

- Xây dựng và vận hành hệ thống tổ chức, thể chế quản lý, điều hành triển khai Kế hoạch hành động từ cấp tỉnh tới các huyện, thành phố; qui định về chức năng, nhiệm vụ, phân cấp quản lý, cơ chế phối hợp và giám sát, đánh giá quá trình thực hiện Kế hoạch hành động.

3.2. Huy động, đa dạng hóa các nguồn lực và tập trung đầu tư có hiệu quả:

- Nhà nước đảm bảo các nguồn lực cần thiết, chủ động vận động tài trợ quốc tế, tăng cường huy động sự đóng góp của cộng đồng, doanh nghiệp.

- Xây dựng, áp dụng các cơ chế tài chính trong nước phù hợp với các chính sách quốc tế về biến đổi khí hậu.

- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, dự án khác để thu hút thêm nguồn vốn đầu tư; trên cơ sở lồng ghép và phối hợp với các chương trình, chiến lược, quy hoạch của các ngành để có thể sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính và đa dạng hóa nguồn đầu tư.

- Tích cực tham gia các chương trình quốc tế về thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính nhằm tận dụng sự hỗ trợ về tài chính, công nghệ, tăng cường năng lực để triển khai các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính của tỉnh Hà Nam.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư đạt hiệu quả cao; ưu tiên đầu tư cho các dự án cấp bách, không thể trì hoãn.

3.3. Các giải pháp khác:

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, quan điểm của Đảng và Nhà nước về biến đổi khí hậu; phổ biến kiến thức, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu.

- Tăng cường hợp tác quốc tế nhằm tận dụng tối đa sự hỗ trợ quốc tế về tài chính, chuyển giao công nghệ, trao đổi thông tin và đào tạo nguồn nhân lực trong các hoạt động thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ mới; đào tạo đội ngũ cán bộ kỹ thuật và quản lý thực hiện Kế hoạch hành động.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN:

4.1. Nguồn lực tài chính:

Kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động của tỉnh Hà Nam nhằm triển khai thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2012-2020 bao gồm 65 dự án, nhiệm vụ, tổng kinh phí ước tính khoảng 150 tỉ đồng (kinh phí này không bao gồm kinh phí cho việc triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc các chiến lược, chương trình đã được phê duyệt), phân bổ nguồn vốn như sau:

- Ngân sách Trung ương: khoảng 40%, ưu tiên đầu tư cho các dự án trọng điểm cấp bách, cụ thể là tập trung vào ứng phó với thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính.

- Ngân sách Tỉnh: chủ động bố trí khoảng 20% tập trung vào việc tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách, xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng.

- Vốn nước ngoài: xây dựng và ban hành cơ chế phù hợp để huy động khoảng 30% nguồn vốn thực hiện Kế hoạch hành động từ sự hỗ trợ của quốc tế, các quỹ liên quan đến biến đổi khí hậu; hỗ trợ ODA; vay trả dài của Chính phủ các nước; đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài.

- Huy động từ các thành phần kinh tế và các nguồn vốn khác: xây dựng và ban hành cơ chế khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư khoảng 10% nguồn vốn thực hiện Kế hoạch hành động.

4.2. Cơ chế tài chính:

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở: Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế tài chính phù hợp nhằm huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động.

PHỤ LỤC I

**CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH HÀ NAM NHÀM TRIỂM KHAI
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ỦNG PHÓ VỚI BIỂN ĐÔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2012 - 2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2012 - 2015		
I	Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai				
1	Xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ ngập lụt dưới tác động của BĐKH địa bàn tỉnh Hà Nam và các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại	2015 - 2020	1.500	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
2	Đánh giá các tai biến địa chất trên địa bàn tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp phòng tránh và giảm thiểu thiệt hại trong bối cảnh BĐKH	2013 - 2015	1.500	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
3	Rà soát bổ sung quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ sạt lở vùng ven bờ sông, cửa sông	2012 - 2013	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	UBND tỉnh	Các sở/ban ngành có liên quan
4	Rà soát bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng, chống thiên tai	2012 - 2013	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
5	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Nam trong bối cảnh BĐKH phù hợp trong điều kiện BĐKH	2012 - 2014	1.500	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
6	Rà soát, điều chỉnh và phát triển đa dạng hóa sinh kế phù hợp trong điều kiện BĐKH	2012 - 2014	2.000	Sở LD-TB&XH	Các sở/ban ngành có liên quan
II	Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước				
7	Danh giã ảnh hưởng của BĐKH đến nông nghiệp (trồng trọt chăn nuôi) và đề xuất các biện pháp thích ứng Xay dựng chương trình chọn, tạo kao nghiệm giống cây trồng thích hợp cho các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của BĐKH	2012 - 2014	3.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
8		2012 - 2015	7.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan

9	Áp dụng thí điểm các biện pháp chia sẻ rủ ro và hệ thống bảo hiểm nông nghiệp tại một số vùng thường xuyên bị tác động	2012 - 2020	1.000	1.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
10	Xây dựng mô hình thí điểm cung cấp nước cho sản xuất vào mùa khô và nước sạch khi có lũ	2015 - 2020	3.000	3.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
11	Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế trang trại thích ứng với BĐKH	2012 - 2015	4.000	4.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
12	Dánh giá tác động của BĐKH đến an ninh việc làm, an ninh lương thực và đời sống của tỉnh Hà Nam	2012 - 2014	3.000	3.000	Sở LĐ-TB&XH	Các sở/ban ngành có liên quan
13	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về biến động và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh BĐKH	2012 - 2020	2.500	1.500	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
14	Rà soát, bổ sung quy hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước	2012 - 2013	2.000	2.000	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
15	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam trong bối cảnh BĐKH	2012 - 2014	2.000	2.000	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
16	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch thuỷ lợi hệ thống Bắc Nam Hà trong bối cảnh BĐKH	2012 - 2013	2.000	2.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
17	Rà soát và điều chỉnh cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	2012 - 2013	2.000	2.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
18	Cải tạo, nâng cấp và xây mới các công trình thuỷ lợi đảm bảo tưới tiêu	2012 - 2020	Dự án vay vốn ADB "Phát triển thuỷ lợi và hạ tầng nông thôn vùng Nam đồng bằng sông Hồng và Thanh Hoá"	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
19	Rà soát, nâng cấp, xây dựng công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với quy chuẩn thiết kế và đặc điểm thiên tai của từng vùng, từng địa phương	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
20	Chương trình xây dựng các công trình phòng chống sạt lở	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
21	Xây dựng trạm bom Nguyễn Chính (Lý Nhân)	2015 - 2020	Chiến lược phát triển thuỷ lợi đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	

22	Xây dựng trạm bom Quέ Sơn (Bình Lục)	2015 - 2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
23	Xây dựng trạm bom Hồng Lý (Lý Nhân)	2015 - 2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
24	Xây dựng trạm bom Nhân Long (Lý Nhân)	2015 - 2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
III	Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học				
25	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch bảo vệ phát triển rừng	2012 - 2014	1.500	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
26	Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng mô hình khu dân cư xanh, khu đô thị xanh	2012 - 2020	10.000	Sở Xây dựng	Các sở/ban ngành có liên quan
27	Nghiên cứu khả năng phát triển các dự án CDM trên cơ sở phục hồi và phát triển rừng	2015 - 2020		Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
28	Dự án phát triển mô hình phục hồi, quản lý tài nguyên rừng trên cơ sở cộng đồng trong bối cảnh BĐKH	2012 - 2020	2.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
IV	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu, phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp				
29	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp	2012 - 2015	4.000	Sở KH&CN	Các sở/ban ngành có liên quan
30	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống phát điện cỡ nhỏ dùng khí mêtan thu hồi từ các bãi chôn lấp rác thải	2012 - 2020	3.000	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
31	Dự án khí sinh học thí điểm cho ngành chăn nuôi tỉnh Hà Nam	2015 - 2017		Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
32	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch giao thông vận tải theo phát triển giao thông vận tải công cộng ở các đô thị và kiểm soát chặt chẽ sự gia tăng phương tiện vận tải cá nhân	2012 - 2014	4.000	Sở GTVT	Các sở/ban ngành có liên quan
33	Xây dựng chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng	2012 - 2013	1.000	Sở GTVT	Các sở/ban ngành có liên quan
34	Nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất vật liệu và các công trình xây dựng	2012 - 2015	5.000	Sở KH&CN	Các sở/ban ngành có liên quan

35	Rà soát và hoàn thiện các giải pháp ứng phó với BĐKH cho các lĩnh vực trong ngành năng lượng	2012 - 2020	2.000	3.000
36	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đê với những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai	2012 - 2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở công thương
37	Xây dựng quy hoạch quản lý chất thải nhằm làm giảm phát thải khí nhà kính	2012 - 2014	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
38	Áp dụng thí điểm công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, bao gồm các kỹ thuật chôn lấp rác thải tiên tiến và các công nghệ sử dụng chất thải toàn diện	2012 - 2015	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
39	Phát triển lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính	2012 - 2015	Sở LĐ-TB&XH	Các sở/ban ngành có liên quan
40	Rà soát và xay dựng kế hoạch loại bỏ những công nghệ kém hiệu quả, không thân thiện với khí hậu trong các ngành Nông nghiệp, Công nghiệp, Giao thông Vận tải, Năng lượng	2012 - 2015	Sở KH&CN	Các sở/ban ngành có liên quan
41	Áp dụng thí điểm các loại giống lúa mới có năng suất cao và quy trình canh tác phát thải khí nhà kính thấp	2012 - 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
42	Triển khai thí điểm công nghệ xử lý rơm và công nghệ bẻ chúa sản xuất khí sinh học quy mô hộ gia đình	2012 - 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
V	Tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách			
43	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu	2012 - 2013	4.000	Sở KH&ĐT
44	Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng chống và giảm nhẹ thiên tai các cấp	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão
45	Tổ chức tập huấn để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNT

46	Nghiên cứu thành lập các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
47	Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn	2012 - 2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở/ban ngành có liên quan
48	VI Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với BĐKH, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng Triển khai mô hình nông thôn mới phát triển bền vững trong bối cảnh BĐKH	2012 - 2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
49	Nâng cao nhận thức về BĐKH và năng lực ứng phó cho các Sở, ban ngành, UBND huyện xã, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Hà Nam	2012 - 2020	5.000	5.000	Sở TN & MT
50	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo về biến đổi khí hậu gồm cả những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học quản lý cho các đối tượng khác nhau	2012 - 2020	2.000	2.000	Sở GD&ĐT
51	Xây dựng và triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu	2012 - 2020	2.000	2.000	Sở Thông tin và Truyền thông
52	Thực hiện thí điểm các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Y tế, đặc biệt chú trọng đến kiện toàn hệ thống giám sát bệnh tật, giảm nguy cơ, quy mô xuất hiện các dịch bệnh mới do biến đổi khí hậu, mô hình vệ sinh an toàn thực phẩm	2012 - 2015	3.000	Sở Y tế	Các sở/ban ngành có liên quan
53	Xây dựng mô hình thí điểm và nâng cao năng lực các trạm y tế xã vùng có nguy cơ bị tác động lớn do BĐKH ở tỉnh Hà Nam	2015 - 2020	5.000	Sở Y tế	Các sở/ban ngành có liên quan
54	Nghiên cứu xây dựng và triển khai mô hình phòng chống tai nạn, thương tích công đồng thích ứng với BĐKH tại một số vùng bị ảnh hưởng tại Hà Nam	2012 - 2015	3.000	Sở Y tế	Các sở/ban ngành có liên quan

55	Triển khai các hoạt động truyền thông cho cộng đồng về bảo vệ sức khoẻ ứng phó với BĐKH	2012 - 2020	2.000	2.000	Sở Y tế
56	Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khoẻ cộng đồng phù hợp trong điều kiện BĐKH	2012 - 2020 (hàng năm)	1.000	3.000	Sở Y tế
57	Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo bão	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan
58	Dưa kiến thức về thiên tai vào chương trình cho học sinh phổ thông	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở GD&ĐT	Các sở/ban ngành có liên quan	Các sở/ban ngành có liên quan
59	Đào tạo và tập huấn về thiên tai cho một số cộng đồng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão	Các sở/ban ngành có liên quan	Các sở/ban ngành có liên quan
60	Tổ chức thông tin và tuyên truyền về phòng chống thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở TT&TT, Đài truyền hình, Đài phát thanh tỉnh	Các sở/ban ngành có liên quan	Các sở/ban ngành có liên quan
61	Tổ chức lực lượng tình nguyện viên tham gia trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh
62	Xây dựng chương trình đảm bảo an toàn cho trẻ em, người già yếu và tàn tật tại những vùng có thiên tai	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	UBND tỉnh	Các sở/ban ngành có liên quan	Các sở/ban ngành có liên quan
VII Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về BĐKH, đánh giá tác động, xác định các giải pháp thích ứng và giám sát BĐKH					
63	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát BĐKH tại Hà Nam	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở TN & MT	Các sở/ban ngành có liên quan	Dài phát thanh và truyền hình tỉnh, báo Hà Nam

64	Hiện đại hóa công nghệ dự báo và trạm quan trắc KTTV của tỉnh Hà Nam	2012 - 2015	Chiến lược phát triển ngành KTTV đến năm 2020	Sở TN & MT
65	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ phòng chống thiên tai	2012 - 2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở KH&CN
	Tổng			
				Trung tâm dự báo KTTV tỉnh
				Các sở/ban ngành có liên quan

Tổng cộng bằng chữ: Một trăm năm mươi tỷ đồng

PHỤ LỤC II

**CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CỦA TỈNH HÀ NAM NHẰM TRIỂN KHAI
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA ỦNG PHÓ VỚI BIỂN ĐÔI KHÍ HẬU GIAI ĐOẠN 2012-2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2012-2015	2015-2020		
1.	Thích ứng với biến đổi khí hậu, chủ động ứng phó với thiên tai	2015-2020		1.500	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
1.1.	Xây dựng bản đồ phân vùng nguy cơ ngập lụt dưới tác động của BĐKH địa bàn tỉnh Hà Nam và các biện pháp phòng tránh, giảm thiểu thiệt hại	2013-2015	1.500		Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
1.2.	Dánh giá các tai biến địa chất trên địa bàn tỉnh Hà Nam và đề xuất giải pháp phòng tránh và giám thiêu thiệt hại trong bối cảnh BĐKH	2012-2013			UBND tỉnh	Các sở/ ban ngành có liên quan
2.	Rà soát bổ sung quy hoạch dân cư vùng có nguy cơ sạt lở vùng ven bờ sông, cửa sông	2012-2013			Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
3.	Rà soát bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng chống thiên tai	2012-2013			Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
4.	Rà soát bổ sung quy hoạch sử dụng đất gắn với nhiệm vụ phòng chống thiên tai	2012-2014	1.500		Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
5.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tỉnh Hà Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2012-2014			Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
6.	Rà soát, điều chỉnh và phát triển đa dạng hóa sinh kế phù hợp trong điều kiện biến đổi khí hậu	2012-2014	2.000		Sở LĐTBXH	Các sở/ ban ngành có liên quan

STT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị kinh phí (Triệu đồng)	Nơi vị trí	Cơ quan phối hợp
II.	Đảm bảo an ninh lương thực và tài nguyên nước	2012-2014	3.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
7.	Dánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến nông nghiệp (trồng rau và chăn nuôi) và đề xuất các biện pháp thích ứng	2012-2015	7.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
8.	Xây dựng chương trình chọn, tạo, khảo nghiệm giống cây trồng thích hợp cho các vùng chịu ảnh hưởng bất lợi của BĐKH	2012-2020	1.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
9.	Ap dụng thí điểm các biện pháp chia sẻ rủi ro và hệ thống bảo hiểm nông nghiệp tại một số vùng thường xuyên bị tác động	2015-2020	3.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
10.	Xây dựng mô hình thí điểm cung cấp nước cho sản xuất vào mùa khô và nước sạch khi có lũ	2012-2015	4.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
11.	Nghiên cứu xây dựng mô hình kinh tế trang trại thích ứng với biến đổi khí hậu	2012-2014	3.000	Sở LĐTB&XH	Các sở/ ban ngành có liên quan
12.	Danh giá tác động của biến đổi khí hậu đến an ninh việc làm, an ninh lương thực và đời sống của tỉnh Hà Nam	2012-2014	3.000	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
13.	Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu về biến động và sử dụng tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2012-2020	2.500	1.500	Sở TN&MT Các sở/ ban ngành có liên quan
14.	Rà soát, bổ sung quy hoạch quản lý tổng hợp tài nguyên nước	2012-2013	2.000	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
15.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường tỉnh Hà Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2012-2014	2.000	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan

TR	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2012-2015	2015-2020		
16.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch thủy lợi hệ thống Bắc Nam Hà trong bối cảnh BĐKH	2012-2013	2.000		Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
17.	Rà soát và điều chỉnh cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn	2012-2013	2.000		Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
18.	Cải tạo, nâng cấp và xây mới các công trình thủy lợi đảm bảo tiêu tiêu	2012-2020	Dự án vay vốn ADB “Phát triển thủy lợi và hạ tầng nông thôn vùng Nam đồng bằng sông Hồng và Thanh Hóa”	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
19.	Rà soát, nâng cấp, xây dựng công trình phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai phù hợp với quy chuẩn thiết kế và đặc điểm thiên tai của từng vùng, từng địa phương	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
20.	Chương trình xây dựng các công trình phòng chống sạt lở	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược Quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
21.	Xây dựng trạm bom Nguyễn Chính (Lý Nhânn)	2015-2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
22.	Xây dựng trạm bom Quế Sơn (Bình Lục)	2015-2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
23.	Xây dựng trạm bom Hồng Lý (Lý Nhân)	2015-2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
24.	Xây dựng trạm Nhân Long (Lý Nhân)	2015-2020	Chiến lược phát triển thủy lợi đến năm 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan	
III. Bảo vệ, phát triển bền vững rừng, tăng cường hấp thụ khí nhà kính và bảo tồn đa dạng sinh học						
25.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng	2012-2014	1.500		Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có liên quan
26.	Nghiên cứu, xây dựng và nhân rộng mô hình khu dân cư xanh, khu đô thị xanh	2012-2020	10.000		Sở Xây dựng	Các sở/ban ngành có liên quan
27.	Nghiên cứu khả năng phát triển	2015-2020		2.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ban ngành có

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2012-2015		
28.	các dự án CDM trên cơ sở phục hồi và phát triển rừng				liên quan
	Dự án phát triển mô hình phục hồi, quản lý tài nguyên rừng trên cơ sở cộng đồng trong bối cảnh BDKH	2012-2020	Chương trình quản lý và phát triển rừng bền vững thuộc Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
IV.	Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính góp phần bảo vệ hệ thống khí hậu; phát triển nền kinh tế theo hướng các-bon thấp				
29.	Nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới ít phát thải khí nhà kính trong sản xuất công nghiệp	2012-2015	4.000	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở/ ban ngành có liên quan
30.	Nghiên cứu và xây dựng hệ thống phát điện cỡ nhỏ dùng khí mêtan thu hồi từ các bãi chôn lấp rác thải	2012-2020	3.000	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
31.	Dự án khí sinh học thí điểm cho ngành chăn nuôi tinh Hà Nam	2015-2017	5.000	Sở NN& PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
32.	Ra soát và điều chỉnh quy hoạch giao thông vận tải theo phát triển giao thông vận tải công cộng ở các đô thị và kiểm soát chặt chẽ sự giàn tăng phương tiện vận tải cá nhân	2012-2014	4.000	Sở GTVT	Các sở/ ban ngành có liên quan
33.	Xây dựng chính sách khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông tiết kiệm năng lượng	2012-2013	1.000	Sở GTVT	Các sở/ ban ngành có liên quan
34.	Nghiên cứu và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật sử dụng hiệu quả năng lượng trong sản xuất vật liệu và các công trình xây dựng	2012-2015	5.000	Sở KH&CN	Các sở/ ban ngành có liên quan
35.	Rà soát và hoàn thiện các giải pháp ứng phó với BDKH cho các lĩnh vực trong ngành năng lượng	2012-2020	2.000	Sở Công Thương	Các sở/ ban ngành có liên quan

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì		Cơ quan phối hợp
			Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Năm	
36.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng đối với những khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai	2012-2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở Xây dựng	Các sở/ ban ngành có liên quan
37.	Xây dựng quy hoạch quản lý chất thái nhằm giảm phát thải khí nhà kính	2012-2014	2.500	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
38.	Áp dụng thí điểm công nghệ xử lý chất thải tiên tiến, bao gồm các kỹ thuật chôn lấp rác thải tiên tiến và các công nghệ sử dụng chất thải toàn diện	2012-2015	5.000	Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
39.	Phát triển lối sống thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính	202-2015	1.500	Sở LĐTB&XH	Các sở/ ban ngành có liên quan
40.	Rà soát và xây dựng kế hoạch loại bỏ những công nghệ kém hiệu quả, không thân thiện với khí hậu trong các ngành Nông nghiệp & Công nghiệp, Giao thông Vận tải Năng lượng	2012-2015	2.000	Sở KH&CN	Các sở/ ban ngành có liên quan
41.	Áp dụng thí điểm các loại giống lúa mới có năng suất cao và quy trình canh tác phát thải khí nhà kính thấp	2012-2020	3.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan
42.	Triển khai thí điểm công nghệ xử lý rơm và công nghệ bê chưng sả xuất khí sinh học quy mô hộ gia đình	2012-2020	3.000	Sở NN&PTNT	Các sở/ ban ngành có liên quan

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
V.	Tăng cường năng lực quản lý về biến đổi khí hậu, hoàn thiện cơ chế chính sách	2012-2015 2015-2020			
43.	Rà soát và điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Hà Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu	2012-2013	4.000	Sở KH&ĐT	Các sở/ban ngành có liên quan
44.	Kiện toàn tổ chức bộ máy chỉ đạo, chỉ huy phòng chống và giảm nhẹ thiên tai các cấp	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão	Các sở/ban ngành có liên quan
45.	Tổ chức tập huấn để nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNN	Các sở/ban ngành có liên quan
46.	Nghiên cứu thành lập các tổ chức hỗ trợ quản lý thiên tai	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở NN&PTNN	Các sở/ban ngành có liên quan
47.	Tăng cường năng lực cho lực lượng tìm kiếm cứu nạn	2012-2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các sở/ban ngành có liên quan
VI.	Xây dựng cộng đồng ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao nhận thức cộng đồng				
48.	Triển khai mô hình nông thôn mới phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu	2012-2020	Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 – 2020	Sở NN&PTNN	Các sở/ban ngành có liên quan
49.	Nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và năng lực ứng phó cho các Sở ban ngành, UBND huyện xã, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Hà Nam	2012-2020	5.000	5.000	Sở TN&MT
50.	Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo về biến đổi khí hậu gồm cả những kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và khoa học quản lý cho các đối tượng khác nhau	2012-2020	2.000	2.000	Sở GD&ĐT
51.	Xây dựng và triển khai chương	2012-2020	2.000	2.000	Sở Thông tin và
					Các sở/ban ngành có

TT	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)		Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
			2012-2015	2015-2020		
	trình truyền thông, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu	2012-2015			Truyền thông	liên quan
52.	Thực hiện thí điểm các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu của ngành Y tế, đặc biệt chú trọng đến kiểm toàn hệ thống giám sát bệnh tật; giảm nguy cơ, quy mô xuất hiện các bệnh dịch mới do biến đổi khí hậu, mô hình vệ sinh an toàn thực phẩm	2012-2015	3.000		Sở Y tế	Các sở/ ban ngành có liên quan
53.	Xây dựng mô hình thí điểm và nâng cao năng lực các trạm y tế xã vùng có nguy cơ bị tác động lớn do BĐKH ở tỉnh Hà Nam	2015-2020		5.000	Sở Y tế	Các sở/ ban ngành có liên quan
54.	Nghiên cứu xây dựng và triển khai mô hình phòng chống tai nạn, thương tích cộng đồng thích ứng với BĐKH tại một số vùng bị ảnh hưởng tại Hà Nam	2012-2015	3.000		Sở Y tế	Các sở/ ban ngành có liên quan
55.	Triển khai các hoạt động truyền thông cho cộng đồng về bảo vệ sức khỏe ứng phó với BĐKH	2012-2020	2.000	2.000	Sở Y tế	Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, báo Hà Nam.
56.	Nâng cấp hệ thống chăm sóc sức khỏe cộng đồng phù hợp trong điều kiện biến đổi khí hậu	2012-2020	1.000	3.000	Sở Y tế	Các sở/ ban ngành có liên quan
57.	Tăng cường răn lục dự báo, cảnh báo bão	2012-2020 (hàng năm)			Sở TN&MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
58.	Đưa kiến thức về thiên tai vào chương trình cho học sinh phổ thông	2012-2020			Sở GD&ĐT	Các sở/ ban ngành có liên quan
59.	Đào tạo và tập huấn về thiên tai cho một số cộng đồng thường	2012-2020 (hàng năm)			Ban chỉ huy PCLB	Các sở/ ban ngành có liên quan, các tổ chức

TÍM	Danh mục nhiệm vụ, dự án	Mô hình thực hiện	Dự kiến kinh phí (Triệu đồng)	Đơn vị chủ trì	Cơ quan phối hợp
	xuyên bì ảnh hưởng bởi thiên tai		2012-2015	2015-2020	
60.	Tổ chức thông tin và tuyên truyền về phòng chống thiên tai thông qua hệ thống thông tin đại chúng	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020 và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở TT&TT, Đài truyền hình, Đài phát thanh hỉnh	Các sở/ ban ngành có liên quan
61.	Tổ chức lực lượng tình nguyện viên tham gia trong công tác phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai	2012-2020 (hàng năm)	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Đoàn thành niên công sản Hồ Chí Minh	Các tổ chức cá nhân trong và ngoài tỉnh
62.	Xây dựng chương trình đảm bảo an toàn cho trẻ em, người già yếu và tàn tật tại những vùng có thiên tai	Thường xuyên hàng năm	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	UBND tỉnh Hà Nam	Các sở/ ban ngành có liên quan
VII.	Triển khai các hoạt động khoa học công nghệ làm cơ sở cho việc xây dựng chính sách về biến đổi khí hậu, đánh giá tác động, xác định				
63.	các giải pháp thích ứng và giảm nhẹ biến đổi khí hậu				
64.	Xây dựng và hoàn thiện hệ thống giám sát biến đổi khí hậu tại Hà Nam	2012-2015	Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu	Sở TN & MT	Các sở/ ban ngành có liên quan
65.	Hiện đại hóa công nghệ dự báo và trạm quan trắc khí tượng thủy văn của tỉnh Hà Nam	2012-2015	Chiến lược Phát triển ngành Khoa học, kỹ thuật và công nghệ Thủy văn đến năm 2020	Sở TN&MT	Trung tâm dự báo KTTV tỉnh
	Ung dụng tiến bộ khoa học công nghệ, kỹ thuật và sử dụng vật liệu mới vào phục vụ phòng chống gián nhẹ thiên tai	2012-2020	Chiến lược quốc gia phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai đến năm 2020	Sở KH&CN	Các sở/ ban ngành có liên quan
	Tổng		106,000	44,000	
				150,000	
	<i>(Kinh phí này không bao gồm kinh phí cho việc triển khai các đề án, dự án, nhiệm vụ thuộc các chiến lược, chương trình đã được phê duyệt)</i>				
	<i>Tổng cộng bằng chữ: Mười lăm năm mươi tỷ đồng.</i>				

✓

DANH SÁCH TỔ CÔNG TÁC GIÚP VIỆC BAN CHỈ ĐẠO
Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh
(Kem theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011)

1. Ông: Nguyễn Văn Truyền, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Tổ trưởng.
2. Bà: Trịnh Thị Thanh Huyền, PGĐ Trung tâm Quan trắc phân tích Tài nguyên và Môi trường (Sở TN&MT) - Thư ký;
3. Ông: Lương Văn Quát, Trưởng phòng TCTM (VPUBND tỉnh) - thành viên;
4. Ông: Mai Duy Lâm, Trưởng phòng TN&MT (VPUBND tỉnh) - thành viên;
5. Ông: Trần Đăng Chiến, Trưởng phòng NN&PTNT (VPUBND tỉnh) - thành viên;
6. Ông: Nguyễn Quang Huy, Trưởng phòng XD (VPUBND tỉnh) - thành viên;
7. Ông: Lê Văn Hưng, Giám đốc Trung tâm quan trắc PTIN&MT (Sở TN&MT) - thành viên;
8. Bà: Lê Thị Vân, Chuyên viên Chi Cục BVMT (Sở TN&MT) - thành viên;
9. Ông: Nguyễn Gia Bác, Trưởng phòng KS-Nước và Khí tượng thủy văn (Sở TN&MT) - thành viên;
10. Ông: Nguyễn Văn Cương, Trưởng phòng Kế hoạch Tài chính (Sở TN&MT) - thành viên;
- 11.- Ông: Phạm Thanh Chính, Trưởng phòng Phòng Quản lý xây dựng công trình (Sở NN & PTNT) - thành viên;
12. Ông: Trần Hồng Sơn, Trưởng phòng Chính sách Lao động Tiền lương (Sở LD TB&XH) - thành viên;
13. Ông: Vũ Văn Thường, Giám đốc Trung tâm Ứng dụng tiến bộ KHCN và kiểm định, kiểm nghiệm (Sở Khoa học và Công nghệ) - thành viên;
14. Bà: Trần Thị Kim Hạnh, Phó phòng Hành chính sự nghiệp (Sở Tài Chính) - thành viên;
15. Ông: Đặng Đình Cảnh, Phó Trưởng phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về môi trường (Công an tỉnh) - thành viên;
16. Ông: Trần Quốc Toản, Trưởng phòng Nghiệp vụ Y (Sở Y tế) - thành viên;
17. Ông: Nguyễn Mạnh Hùng, Chánh Văn phòng Sở Thông tin và truyền thông - thành viên;
18. Ông: Nguyễn Đăng Luông, Trưởng ban KHCN&MT (Bộ CHQS tỉnh) - thành viên;
19. Bà: Nguyễn Thị Thu Hiền, Chuyên viên phòng Nông Lâm Nghiệp (Sở KH&ĐT) - thành viên;
20. Bà: Nguyễn Thị Phúc Thảo, Trưởng phòng Kiến trúc quy hoạch (Sở Xây dựng) - thành viên;
21. Ông: Vũ Đức Hoàng, Phó Trưởng phòng KTAT&MT (Sở Công Thương) - thành viên;
22. Bà: Dương Thị Thu Hồng, Trưởng phòng Nghiệp vụ Văn hóa và gia đình (Sở Văn hóa thể thao và du lịch) - thành viên;

DANH SÁCH BẢN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh

(Kèm theo Quyết định số: 687/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2011)

1. Ông: Nguyễn Xuân Đông, Phó Chủ tịch UBND tỉnh - Trưởng Ban;
2. Ông: Vũ Hữu Song, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Phó trưởng Ban thường trực;
3. Ông: Nguyễn Văn Truyền, Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường - Phó trưởng Ban;
4. Ông: Bùi Ngọc Dĩnh, Phó Giám đốc Sở Tài Chính - thành viên;
5. Ông: Nguyễn Văn Oang, Giám đốc Sở KH&ĐT- thành viên;
6. Ông: Nguyễn Quốc Đạt, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT - thành viên;
7. Ông: Phạm Hùng, Phó Giám đốc Sở LĐ TB&XH - thành viên;
8. Ông: Dương Ngọc Quỳnh, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - thành viên;
9. Ông: Phạm Hồng Tuyến, Phó Giám đốc Công an tỉnh - thành viên;
10. Ông: Nguyễn Xuân Quý, Phó Giám đốc Sở Y tế - thành viên;
11. Bà: Đỗ Thị Nguyệt Tú, Phó Giám đốc phụ trách Sở Thông tin và Truyền thông - thành viên;
12. Ông: Trần Đức Cơ, Phó Tham mưu trưởng Bộ CHQS tỉnh - thành viên
13. Ông: Đỗ Quang Nha, Phó Giám đốc Sở Xây dựng - thành viên
14. Ông: Đinh Văn Dương, Phó Giám đốc Sở Công Thương - thành viên
15. Ông: Bùi Văn Tâm, Phó Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo - thành viên
16. Bà: Nguyễn Thị Bình, Phó Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh - thành viên
17. Ông: Nguyễn Tâm Sơn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch - thành viên
18. Ông: Đặng Trọng Thắng, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải - thành viên.